Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 25

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ ĐÔNG THÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường tỉnh 320C Ninh Dân - Thanh Vinh (TX. Phú Thọ)	Đường rẽ đi mỏ sét (Xi măng Sông Thao)	Giáp Trường THCS Đông Thành	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
2	Đường tỉnh 314	Giáp địa giới hành chính xã Khải Xuân cũ	Cổng Chùa Thái Sơn	10.800	5.900	4.300	4.300	2.400	1.700	3.200	1.800	1.300
3		Giáp cổng Chùa	Hết đất Khải Xuân, giáp xã Võ Lao (nhà bà Thu Tác)	6.200	3.400	2.500	2.500	1.400	1.000	1.900	1.000	700
4		Cổng nhà bà Thu Tác	Hết ngã ba đường đi xã Quảng Yên	5.400	3.000	2.200	2.200	1.200	900	1.600	900	600
5		Đường đi xã Quảng Yên	Giáp ranh địa giới hành chính xã Hoàng Cương	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
6	Đường tỉnh 314 cũ	Toàn tuyến		6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
7	Đường huyện tuyến Võ Lao - Đông Thành	Giáp hộ nhà ông Báo khu 2	Ngã 4 Phụng Thượng (ĐT 320)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
8	Đường huyện	Áp Phích xã Khải Xuân (cũ)	UBND xã Đông Thành	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
9		UBND xã Đông Thành	Cổng Trường tiểu học Khải Xuân	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
10		Cổng Trường tiểu học Khải Xuân	Chùa Tà	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
11	Đường Võ Lao - Đông Thành	ĐT 314 (Ngân hàng NN&PTNT)	Giáp ranh địa giới hành chính xã Đông Thành cũ	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
12		Hết đất Võ Lao (nhà Tuyến Hồng Võ Lao) đi chợ lạnh	Sân vận động nhà máy Z121	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
13	Đường Võ Lao - Quảng Yên	ĐT 314	Giáp ranh địa giới hành chính xã Quảng Yên	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
14	Đường Đông Thành - Văn Lung (đường nhựa)	Toàn tuyến		2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
15	Các tuyến đường khác	Trường THCS Đông Thành	Hết nhà văn hóa khu 13, xã Đông Thành	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
16		Giáp nhà văn hóa khu 13, xã Đông Thành	Giáp ranh địa giới hành chính phường Âu Cơ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
17		Đường Chợ Lạnh Đông Thành - Z121 (Võ Lao) (đường nhựa)		2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
18		Ngã 4 Phụng Thượng	Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
19		ĐT 320C xã Đông Thành	Giáp ranh xã Sơn Cương cũ (đường vào Cụm công nghiệp Bãi Ba)	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
20		IC9 đấu nối	Đường TL320C	3.600	2.000	1.400	1.500	800	600	1.200	700	500
21		Đường Khải Xuân (cũ) đi Quảng Nạp (cũ)		2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
22		Đường tỉnh 314 (cổng nhà bà Thu Tác)	Hết nhà Tuyến Hồng (Võ Lao cũ) đi chợ lạnh	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
23		ĐT 314	Cầu Việt	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
24		Hầm chui dân sinh Km69 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Hết ranh giới xã Đông Thành (khu TĐC Cầu Vầy - Núi Thấp)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
25	Đường liên khu			1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
*	**Khu dân cư, khu đấu giá**											
26	Khu tái định cư đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Cầu Vầy, Núi Thấp và Gò Cây Mít xã Đông Thành)			1.100			400			300		
27	Khu tái định cư dự án Tuyến đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến đường tỉnh 320C (Đường đi xã Đông Thành, huyện Thanh Ba) - Giai đoạn 1 (Đoạn từ Km0+00 - Km5+846)			1.100			500			400		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
28	Tái định cư đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng Khu 9			1.100			400			300		
29	Tái định cư đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng Khu 10 Đồng Nóng			1.100			400			300		
30	Đất trong khu tái định cư tại Tràn Đảng, khu 7			1.500			600			500		
31	Khu tái định cư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất pháo hoa của Công ty Z121			2.500			1.000			800		
32	Khu tái định cư đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai xã Võ Lao			2.500			1.000			800		
33	Khu tái đinh cư dự án Đầu tư mở rộng Nhà máy Z121	Băng 1: Đất hai bên đường Võ Lao - Quảng Yên, đoạn từ ĐT 314 đến hết đất Võ Lao giáp ranh với xã Quảng Yên		3.000			1.200			900		
34		Các băng còn lại		2.550			1.300			1.010		
35	Khu tái định cư dự án: Trường Bắn Trinh Sát - Trinh Sát đặc nhiệm của tiểu đoàn 20/BTM Quân khu 2 tại xã Võ Lao			4.500			1.800			1.400		
36	Khu đấu giá tại khu vực Cầu Đè, xã Đông Thành	Băng 1: Đất hai bên đường xã Khải Xuân đi Chùa Tà, đoạn từ đường tỉnh 314 đến UBND xã Đông Thành		10.000			4.000			3.000		
37	Khu đấu giá tại khu 2, 3 xã Đông Thành	Băng 1		8.000			3.200			2.400		
38		Băng 2		5.000			2.000			1.500		
39		Băng 3		3.000			1.200			900		
40	Khu đấu giá tại khu 12 xã Đông Thành	Băng 1		5.800			2.300			1.700		
41		Băng 2		3.500			1.400			1.100		
42	Khu đấu giá tại khu 3 Võ Lao, xã Đông Thành	Băng 1		9.600			3.800			2.900		
43		Băng 2		6.000			2.400			1.800		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
44	Khu đấu giá tại khu 4, xã Đông Thành	Băng 1		4.800			1.900			1.400		
45		Băng 2		3.500			1.400			1.100		
46	Khu đấu giá tại khu 6, 7 xã Đông Thành	Băng 1		8.000			3.200			2.400		
47	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			700			300			200		